

phải bảo đảm quyền lợi của chủ sở hữu nhà và tuân theo quy định sau đây:

1. Trong trường hợp thời hạn thuê đang còn, thì các bên thỏa thuận với nhau về phần diện tích mà mỗi bên được thuê và làm lại hợp đồng với chủ sở hữu nhà.

2. Trong trường hợp thời hạn thuê đang còn mà chủ sở hữu nhà chỉ đồng ý cho một bên được tiếp tục thuê nhà, thì các bên thỏa thuận về việc một bên được tiếp tục thuê.

3. Trong trường hợp nhà ở thuê đã nâng cấp, sửa chữa, cải tạo, xây dựng thêm diện tích gắn liền với nhà thuê và được sự đồng ý của chủ sở hữu nhà, thì bên tiếp tục ở phải thanh toán cho bên kia phần giá trị nhà đã nâng cấp, sửa chữa, cải tạo, xây dựng thêm mà bên đó được hưởng vào thời điểm chia tài sản khi ly hôn.

4. Trong trường hợp xây dựng thêm diện tích nhà độc lập với diện tích thuê và được sự đồng ý của chủ nhà, các bên đã thanh toán tiền sử dụng đất cho chủ nhà, thì việc chia nhà ở đó thực hiện theo quy định tại Điều 95 của Luật Hôn nhân và gia đình.

**Điều 30.** Giải quyết quyền lợi của vợ chồng khi ly hôn đối với nhà ở thuộc sở hữu riêng của một bên.

1. Trong trường hợp nhà ở thuộc sở hữu riêng của một bên vợ hoặc chồng đã đưa vào sử dụng chung, thì khi ly hôn, nhà ở đó vẫn thuộc sở hữu riêng của chủ sở hữu nhà, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác. Bên vợ hoặc chồng sở hữu nhà có nghĩa vụ hỗ trợ cho bên kia tìm chỗ ở mới, nếu bên kia có khó khăn và không thể tự tìm được chỗ ở mới. Bên chưa có chỗ ở được lưu cư trong thời hạn 6 tháng để tìm chỗ ở khác.

2. Trong trường hợp nhà ở đó đã được xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo, thì chủ sở hữu nhà phải thanh toán cho bên kia phần giá trị nhà đã xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa, cải tạo mà bên đó được hưởng vào thời điểm chia tài sản khi ly hôn.

## Chương VI

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 31.** Hướng dẫn thi hành.

Các Bộ, cơ quan hữu quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Nghị định này.

**Điều 32.** Hiệu lực thi hành.

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2001.

**Điều 33.** Trách nhiệm thi hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**QUYẾT ĐỊNH** của Thủ tướng Chính phủ  
số 143/2001/QĐ-TTg ngày 27/9/2001  
phê duyệt Chương trình mục tiêu  
quốc gia xóa đói giảm nghèo và  
việc làm giai đoạn 2001 - 2005.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Quyết định số 71/2001/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2001 - 2005;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001 - 2005, bao gồm các nội dung sau:

### I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

#### 1. Mục tiêu tổng quát:

Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001 - 2005 là một chương trình tổng hợp có tính chất liên ngành trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, nhằm tạo các điều kiện thuận lợi, phù hợp để hỗ trợ người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo phát triển sản xuất, tăng thu nhập, tiếp cận các dịch vụ xã hội, xóa đói giảm nghèo; giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị và nâng cao tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn, chuyển dịch cơ cấu lao động phù hợp với cơ cấu kinh tế, bảo đảm việc làm cho người có nhu cầu làm việc, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

#### 2. Mục tiêu cụ thể:

##### a) Xóa đói giảm nghèo:

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí mới) xuống dưới 10%, bình quân mỗi năm giảm 1,5 - 2% (khoảng 28 vạn đến 30 vạn hộ/năm); không để tái đói kinh niên;

- Các xã nghèo có đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu

(thủy lợi nhỏ, trường học, trạm y tế, đường dân sinh, điện, nước sinh hoạt, chợ).

##### b) Giải quyết việc làm:

- Mỗi năm tạo việc làm cho 1,4 - 1,5 triệu lao động;

- Giảm tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị xuống dưới 6% và nâng tỷ lệ sử dụng thời gian lao động ở khu vực nông thôn lên 80% vào năm 2005.

## II. NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

### 1. Lĩnh vực xóa đói giảm nghèo:

Bao gồm các chính sách và dự án sau đây:

a) Các chính sách hỗ trợ cho người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo, bao gồm: hỗ trợ về y tế, về giáo dục, chính sách an sinh xã hội, miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp, trợ giúp đối tượng nghèo về nhà ở, công cụ lao động và đất sản xuất.

b) Các dự án hỗ trợ trực tiếp xóa đói giảm nghèo gồm:

- Nhóm các dự án xóa đói giảm nghèo chung:

+ Dự án tín dụng cho hộ nghèo vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh;

+ Dự án hướng dẫn người nghèo cách làm ăn, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư;

+ Dự án xây dựng mô hình xóa đói giảm nghèo ở các vùng đặc thù (bãi ngang ven biển, vùng cao, biên giới, hải đảo, vùng ATK, vùng sâu đồng bằng sông Cửu Long).

- Nhóm các dự án xóa đói giảm nghèo cho các xã nghèo (có 25% hộ nghèo trở lên và chưa đủ cơ sở hạ tầng thiết yếu) không thuộc Chương trình 135:

+ Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các xã nghèo (thủy lợi nhỏ, trường học, trạm y tế, đường dân sinh, điện, nước sinh hoạt, chợ);

+ Dự án hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề các xã nghèo;

+ Dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo và cán bộ các xã nghèo;

+ Dự án ổn định dân di cư và xây dựng kinh tế mới ở các xã nghèo;

+ Dự án định canh, định cư ở các xã nghèo.

## 2. Lĩnh vực việc làm:

a) Các hoạt động nhằm mục tiêu phát triển việc làm được tiến hành theo ba hướng sau:

- Phát triển kinh tế - xã hội nhằm ổn định việc làm cho những người đã có việc làm và tạo thêm chỗ làm việc mới bằng việc tập trung chỉ đạo một số chương trình phát triển kinh tế trọng điểm, tạo nhiều việc làm;

- Đẩy mạnh xuất khẩu lao động và chuyên gia;  
- Tăng cường các hoạt động hỗ trợ trực tiếp để tạo việc làm và phát triển thị trường lao động.

b) Các hoạt động hỗ trợ trực tiếp tạo việc làm và phát triển thị trường lao động được triển khai với các dự án sau:

- Dự án tổ chức cho vay vốn theo các dự án nhỏ giải quyết việc làm thông qua Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm;

- Dự án nâng cao năng lực và hiện đại hóa các Trung tâm dịch vụ việc làm;

- Dự án điều tra, thống kê lao động và xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động;

- Dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác quản lý lao động, việc làm.

## III. THỜI GIAN THỰC HIỆN

Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm thực hiện trong 5 năm (2001 - 2005).

## IV. TÀI CHÍNH CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Dự kiến nguồn vốn huy động của Chương trình khoảng 22.580 tỷ đồng, bao gồm các nguồn sau:

a) Lĩnh vực xóa đói giảm nghèo:

Dự kiến huy động khoảng 16.245 tỷ đồng (chưa tính nguồn vốn hợp tác quốc tế về xóa đói giảm nghèo), bao gồm các nguồn vốn sau:

- Ngân sách trung ương;
- Ngân sách địa phương;
- Huy động cộng đồng;
- Vốn tín dụng (khoảng 10.000 tỷ đồng);
- Vốn lồng ghép.

b) Lĩnh vực việc làm:

Dự kiến khoảng 6.335 tỷ đồng, bao gồm các nguồn vốn sau:

- Ngân sách trung ương;
- Ngân sách địa phương;
- Vốn thu hồi (khoảng 4.600 - 4.700 tỷ đồng);
- Nguồn khác.

Hàng năm, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính căn cứ vào mục tiêu, nội dung và các quy định hiện hành để bố trí kinh phí bảo đảm cho Chương trình hoạt động đạt mục tiêu và có hiệu quả.

## V. VỀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm vận hành theo cơ chế liên ngành. Phân công trách nhiệm các Bộ, ngành có liên quan như sau:

**1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội** là cơ quan chủ trì quản lý Chương trình, thường

trực giúp Chính phủ tổ chức, quản lý, điều hành phối hợp hoạt động với các Bộ, ngành, địa phương và tổng hợp tình hình thực hiện chương trình; nghiên cứu xây dựng chính sách an sinh xã hội, trợ giúp đối tượng nghèo về nhà ở; chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Bộ Y tế, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quản lý, tổ chức thực hiện các dự án:

- Dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác xóa đói giảm nghèo và cán bộ các xã nghèo;
- Dự án xây dựng mô hình xóa đói giảm nghèo ở các vùng đặc thù;
- Dự án tổ chức cho vay vốn theo các dự án nhỏ giải quyết việc làm thông qua Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm;
- Dự án nâng cao năng lực và hiện đại hóa các Trung tâm dịch vụ việc làm;
- Dự án điều tra, thống kê lao động và xây dựng hệ thống thông tin thị trường lao động;
- Dự án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác quản lý lao động, việc làm.

### **2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm chủ trì:**

- Phối hợp với Bộ Tài chính cân đối và bố trí kế hoạch hàng năm để thực hiện Chương trình, trên cơ sở thống nhất với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội theo quy chế kế hoạch hiện hành;
- Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn các địa phương lồng ghép các chương trình khác có liên quan với Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm trên cùng một địa bàn từ khâu kế hoạch đến chỉ đạo thực hiện.

### **3. Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì:**

- Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí và

bảo đảm ngân sách nhà nước cấp hàng năm cho Chương trình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

- Hướng dẫn cơ chế quản lý tài chính đối với các nguồn vốn huy động cho chương trình;
- Chỉ đạo và tổ chức việc cấp phát đầy đủ, kịp thời đúng dự toán, đúng mục tiêu đã được duyệt;
- Nghiên cứu đề xuất biện pháp miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp cho hộ nghèo.

**4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn** chủ trì nghiên cứu xây dựng chính sách trợ giúp đối tượng nghèo về công cụ lao động, đất sản xuất; phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Thủy sản, Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình, các Bộ, ngành liên quan và các địa phương quản lý, tổ chức thực hiện các dự án:

- Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các xã nghèo;
- Dự án hỗ trợ sản xuất và phát triển ngành nghề ở các xã nghèo;
- Dự án hướng dẫn người nghèo cách làm ăn, khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư;
- Dự án ổn định dân di cư tự do và xây dựng vùng kinh tế mới ở các xã nghèo;
- Dự án định canh, định cư ở các xã nghèo.

**5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam** chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành liên quan và địa phương chỉ đạo Ngân hàng phục vụ người nghèo quản lý, tổ chức thực hiện dự án tín dụng cho hộ nghèo vay vốn để phát triển sản xuất, kinh doanh.

**6. Bộ Y tế** chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ, ngành liên quan và địa phương nghiên cứu xây dựng và thực hiện chính sách khám chữa bệnh cho người nghèo.

**7. Bộ Giáo dục và Đào tạo** chủ trì, phối hợp

với các Bộ, ngành liên quan nghiên cứu xây dựng và thực hiện chính sách trợ giúp người nghèo về giáo dục, thông qua việc lồng ghép và thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giáo dục và đào tạo.

**8. Ủy ban Dân tộc và Miền núi** chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong việc quản lý, tổ chức thực hiện các dự án xóa đói giảm nghèo và việc làm ở những vùng có đông bào dân tộc thiểu số.

**9. Ủy ban Quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình** chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc quản lý, tổ chức thực hiện các dự án ổn định dân cư và xây dựng vùng kinh tế mới ở các xã nghèo.

**10. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ** có trách nhiệm nghiên cứu xây dựng chính sách trợ giúp người nghèo, hộ nghèo, xã nghèo và chỉ đạo thực hiện Chương trình xóa đói giảm nghèo và việc làm trong phạm vi quản lý của mình.

**11. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương** tổ chức xây dựng và thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm tại địa phương; báo cáo định kỳ với Thủ tướng Chính phủ và cơ quan quản lý Chương trình về tình hình thực hiện Chương trình.

**12. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và cơ quan Trung ương của các đoàn thể** tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm; tham gia giám sát việc thực hiện Chương trình ở các cấp.

**Điều 2.** Thành lập Ban Chủ nhiệm Chương trình mục tiêu quốc gia xóa đói giảm nghèo và việc làm để giúp Thủ tướng Chính phủ triển khai thực hiện Chương trình.

Ban Chủ nhiệm Chương trình có trách nhiệm

phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể để tổ chức, thực hiện Chương trình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 1286/QĐ-TTg ngày 28/9/2001 về việc chuyển Công ty Vật liệu xây dựng và trang trí nội thất thành phố Hồ Chí Minh thành công ty cổ phần.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;*

*Căn cứ Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29 tháng 6 năm 1998 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 2995/UB-CNN ngày 28 tháng 8 năm 2001,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt phương án cổ phần hóa